ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:2897 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cầu Khòn Chùa, xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 353/TTr-SXD ngày 24/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Cầu Khòn Chùa, xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cầu Khòn Chùa, xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Địa điểm xây dựng: xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và dự toán: Công ty TNHH Kỹ thuật An Khánh.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình: dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

7. Mục tiêu đầu tư xây dựng: đầu tư xây dựng công trình nhằm mục tiêu

phục vụ nhu cầu đi lại của Nhân dân giữa các thôn trong khu vực xã Yên Phúc được thuận tiện và an toàn, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

8. Quy mô đầu tư:

a) Phần cầu bản:

- Khẩu độ cầu: Ln = 6,0m;

- Khổ cầu: B = 4,5 + 0,25x2=5m;

- Tải trọng thiết kế: 0,65 HL93;

- Tần suất tính toán thuỷ văn: P = 10%.

b) Phần đường dẫn:

- Đường dẫn hai đầu cầu thiết kế theo tiêu chuẩn cấp B đường giao thông nông thôn theo TCVN 10380-2014 (Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế).

- Nền đường rộng 4,0m, mặt đường bê tông xi măng rộng 3,0m (chưa kể bề rộng rãnh dọc, mở rộng nền đường trong đường cong theo tiêu chuẩn). Mặt đường thiết kế theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế mẫu mặt đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn).

- Vận tốc thiết kế: 20 km/h.

- Tải trọng thiết kế: trục xe 2,5 Tấn.

9. Một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình

9.1. Thiết kế phần cầu:

- Tải trọng thiết kế cầu: Hoạt tải 0.65 HL-93.

a) Kết cấu phần trên:

- Xây dựng cầu bản L_n=6m bê tông cốt thép M300.

- Khổ cầu: cầu có bề rộng B = (4,5+0,25x2)m = 5,0m.

- Độ dốc dọc cầu i= 0%.

- Dầm bản có chiều cao h=30cm.

- Độ dốc ngang cầu i=2%.

- Bản vượt bằng bê tông cốt thép M250 kết hợp làm mặt đường, lớp móng cấp phối đá dăm dày 10cm.

b) Kết cấu phần dưới:

- Mố cầu, móng cầu bản mố nhẹ, bê tông xi măng M200, đổ tại chỗ.

- Lòng cầu, lòng mố: gia cố lòng cầu bằng bê tông xi măng M200.

- Giằng chống bê tông cốt thép M250 đá (1x2)cm.

c) Kết cấu khác:

- Lan can trên cầu: dạng gờ chắn bằng bê tông cốt thép, cột lan can và tay vịn bằng bê tông cốt thép M200 lắp ghép.

- Khe co dãn: sử dụng khe co giãn nhựa đường.

9.2. Thiết kế nền đường dẫn:

- Cấp đường: Đường cấp B (theo đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025 và tham khảo tiêu chuẩn TCVN 10308:2014).

+ Bề rộng nền đường dẫn: $B_{nền}$ = 4,0m;

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: R_{min} = 30m (Châm trước tại những vị trí đặc biệt khó khăn R=15m);

- Độ dốc dọc thiết kế lớn nhất: 5,0%;

- Độ dốc mái ta luy đào: 1/0,5;

- Độ dốc mái taluy đắp: 1/1,5;

- Hệ số đầm nén nền đường: K = 0,95;

- Chân khay, ốp mái taluy đường dẫn bằng bê tông xi măng M200; ốp mái dày 15cm, lớp đệm đá dăm dày 10cm.

9.3. Thiết kế mặt đường dẫn:

- Toàn tuyến thiết kế tham khảo mặt đường bê tông xi măng theo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B theo Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn;

- Tải trọng trục tính toán: 2,5 Tấn;

- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 3,0m;

- Bề rộng lề đường: $B_{lề}$ = 2 x 0,5m, lề đường gia cố có kết cấu giống kết cấu mặt đường;

- Độ dốc mặt đường i = 2%, độ dốc siêu cao theo quy định. Do địa hình khó khăn châm trước chiều dài đoạn nối siêu cao không phụ thuộc vào bán kính đường cong năm nhưng không được nhỏ hơn giá trị tối thiểu cấp đường thiết kế.

- Kết cấu áo đường trên xuống như sau:

+ Mặt đường bằng bê tông xi măng M250, rộng 3,0m, dày 18cm;

+ Lớp bạt dứa chống thấm;

+ Móng đường bằng cấp phối đá dăm loại 2, dày 10cm;

+ Lớp đất nền đầm chặt K=0,95 hoặc nền đường cũ.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- TCVN 10380:2014: Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- TCVN 11823:2017: Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 24/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Thiết kế mẫu mặt đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn;

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ

- Tham khảo Thiết kế điển hình cầu bản BTCT 69-34X của viện thiết kế Bộ GTVT;

- TCVN 9436-2012 Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu.

- TCVN 4447 - 2012 Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu;

- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;

- TCCS 40:2022/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;

- TCCS 05:2012/TCĐBVN: Cầu và Cống - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: 1.535.458.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây lắp:	1.255.800.724	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	35.162.420	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	120.290.508	đồng;
- Chi phí khác:	51.087.284	đồng;
- Chi phí dự phòng:	73.117.047	đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025-2026.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh và nguồn vốn xã hội hóa.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Chủ tịch UBND xã Yên Phúc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đinh Hữu Học